

Số: 26 /QĐ-BVLH

Lộc Hà, ngày 14 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026
của Bệnh viện Đa khoa Lộc Hà

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA LỘC HÀ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1199/QĐ-SYT ngày 17/10/2025 của Sở Y tế Hà Tĩnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Bệnh viện Đa khoa Lộc Hà;

Căn cứ Quyết định số 1526/QĐ-SYT ngày 30/12/2025 của Sở Y tế Hà Tĩnh về việc giao dự toán Ngân sách nhà nước năm 2026 cho các đơn vị trực thuộc;

Xét đề nghị của trưởng phòng Tài chính - Kế toán Bệnh viện Đa khoa Lộc Hà,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Lộc Hà (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng TCHC, Trưởng phòng Tài chính kế toán và các khoa, phòng liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế Hà Tĩnh (đề BC);
- Các Khoa, Phòng;
- Lưu: VT, TCKT.
- Cổng thông tin điện tử.



Dương Hùng Anh



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 26/QĐ-BVLH ngày 14/01/2026 của Bệnh viện Đa khoa Lộc Hà về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026)

STT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
1	2			
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
1	Số thu phí, lệ phí			
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại			
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước			
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.849.000.000		4.849.000.000
1	Chi sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình	3.549.000.000		3.549.000.000
	Chương 423 - Loại 130 - Khoản 132	3.549.000.000		3.549.000.000
1.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
1.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (*)	3.549.000.000		3.549.000.000
2	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	1.300.000.000		1.300.000.000
	Chương 423 - Loại 370 - Khoản 398	1.300.000.000		1.300.000.000
2.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
2.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (**)	1.300.000.000		1.300.000.000

Bảng chữ: (Bốn tỷ tám trăm bốn mươi chín triệu đồng)

Ghi chú:

(*) Bao gồm: Kinh phí mua sắm tài sản: 1,249 triệu đồng; Kinh phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp mở rộng hạng mục công trình: 2.300 triệu đồng (Nội dung chi tiết theo QĐ số 3065/QĐ-UBND ngày 06/12/2025)

(**) Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 181/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025.